BỘ Y TẾ
CỤC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Số: 80 /AIDS-ĐT
V/v lập kế hoạch năm 2021 thuốc kháng HIV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh/thành phố

Ngày 26/10/2018 Bộ Y tế ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BYT về việc quản lý điều trị người nhiễm và người phơi nhiễm với HIV. Theo đó, hằng năm, cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch điều trị thuốc kháng HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV và người phơi nhiễm với HIV trên địa bàn quản lý gửi Sở Y tế tỉnh, thành phố và Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 về việc Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và Thông tư 28/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 về Quy định quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT) và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ BHYT, Cục Phòng, chống HIV/AIDS đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố chỉ đạo cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS và cơ sở điều trị HIV/AIDS (sau đây gọi là cơ sở điều trị) xây dựng kế hoạch năm 2021 thuốc ARV điều trị cho người nhiễm HIV theo các nội dung sau:

1. Đối với cơ sở điều trị:

1.1. Lập kế hoạch năm 2021 thuốc ARV điều trị người nhiễm HIV tại cơ sở điều trị, bao gồm thuốc ARV được chi trả từ nguồn Quỹ BHYT, nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) và nguồn dự án theo mẫu tại Phụ lục 1. Công cụ hỗ trợ lập kế hoạch được đăng tải trên trang web: dieutri.arv.vn.

Cơ sở điều trị sử dụng thuốc ARV từ nguồn Quỹ BHYT năm 2021 là các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT có hợp đồng khám chữa bệnh HIV/AIDS với cơ quan bảo hiểm xã hội và:

- Đang cung cấp thuốc ARV từ nguồn Quỹ BHYT năm 2020 hoặc;

- Bắt đầu cung cấp thuốc ARV từ Quỹ BHYT năm 2021. Cơ sở này không bao gồm cơ sở điều trị cung cấp thuốc ARV từ nguồn Dự án Quỹ toàn cầu năm 2020 theo danh sách tại Phụ lục 2.

1.2. Gửi cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS các tỉnh/thành phố:

- Kế hoạch năm 2021 thuốc ARV các nguồn tại cơ sở điều trị.

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc ARV năm 2020, số lượng thuốc tồn kho và số lượng trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm lập dự trù của các cơ sở điều trị;

- Biên bản họp Hội đồng Thuốc và Điều trị của cơ sở điều trị.

2. Đối với Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh/thành phố:

- Tổng hợp kế hoạch năm của cơ sở điều trị theo mẫu tại Phụ lục 3.1, 3.2 và báo cáo Sở Y tế để họp, rà soát về danh mục, số lượng thuốc, nhu cầu sử dụng thuốc của tất cả các cơ sở điều trị HIV/AIDS trên địa bàn quản lý.

- Gửi kế hoạch điều trị thuốc ARV năm 2021 của tất cả các cơ sở điều trị HIV/AIDS trên địa bàn quản lý và Biên bản họp rà soát của Sở Y tế về Kế hoạch thuốc này về Cục Phòng, chống HIV/AIDS **trước ngày 1/4/2020**. Bản điện tử các phụ lục xin gửi về hòm thư điện tử dieutrivaac@yahoo.com.

- Lưu Biên bản họp Hội đồng Thuốc và Điều trị của cơ sở điều trị đối với Kế hoạch thuốc ARV năm 2021 của tất cả cơ sở điều trị.

Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề nghị liên hệ Cục Phòng, chống HIV/AIDS (Phòng Điều trị HIV/AIDS) - Tòa nhà Tổng cục dân số, ngõ 8 Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, điện thoại 024.37367851.

Trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Cơ quan đầu mối Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS
BỘ Y TẾ

Phan Thị Thu Hương

PHỤ LỤC 1

BIỂU MẪU KẾ HOẠCH CUNG ỨNG THUỐC ARV CỦA CƠ SỞ

Ban hành kèm theo Công văn số 80 /AIDS-ĐT ngày 19 tháng 2 năm 2020 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

I. Biểu mẫu kế hoạch

Tỉnh/thành phố:

Cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CUNG ỨNG THUỐC ARV CỦA CƠ SỞ

NĂM ..... (1/1 - 31/12/...)

I. Chỉ tiêu số người bệnh/khách hàng điều trị ARV tính đến cuối năm lập kế hoạch

STT	Phác đồ Điều trị	Số người bệnh đang điều trị ARV tại cuối năm của thời điểm lập kế hoạch (31 tháng 12 năm ...)				Chỉ tiêu số người bệnh điều trị ARV tính đến cuối năm lập kế hoạch (31 tháng 12 năm...)			
		Tổng	BHYT	NSNN	Viện trợ	Tổng	BHYT	NSNN	Viện trợ
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)
I	Người lớn								
...									
II	Trẻ em								
...									
III	Dự phòng sau phơi nhiễm								
...									
IV	Dự phòng trước phơi nhiễm								
...									

II. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn BHYT từ 01/01/..... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn BHYT cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
1				*Biệt dược gốc*								
				Nhóm 1								
				Nhóm 2								
				Nhóm 3								
				Nhóm 4								
				Nhóm 5								
				Tổng số								
2												

III. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn NSNN từ 01/01/.... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn NSNN cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
1				*Biệt dược gốc*								
				Nhóm 1								
				Nhóm 2								
				Nhóm 3								
				Nhóm 4								
				Nhóm 5								
				Tổng số								
2												

IV. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn viện trợ từ 01/01/.... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn viện trợ cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
1				*Tổng số*								
2												

Ngày.... tháng.... năm 20...

Cán bộ chịu trách nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký , đóng dấu)

Lưu ý:

1. Bảng I: Nhập số người bệnh/khách hàng tại thời điểm chốt số liệu và ước tính bệnh nhân thời điểm cuối năm lập kế hoạch theo phác đồ và theo từng nguồn.

2. Thời điểm chốt số liệu người bệnh: ngày 31 tháng 12 của 2 năm trước năm lập kế hoạch

3. Bảng II, III, IV: cột (f): ước tính tồn kho tại thời điểm 01/01 của năm lập kế hoạch; cột (g): ước tính tồn kho cuối năm: tương đương tồn kho an toàn mong muốn tại thời điểm 31/12 của năm lập kế hoạch

4. Nguồn viện trợ không yêu cầu nhóm. Điền số liệu vào dòng tổng số

II. Tiêu chí nhận thuốc ARV các nguồn năm 2021

1. Nguồn BHYT 2021:

1.1. Phác đồ thuốc ARV

- 02 phác đồ bậc 1:

+) Tenofovir/Lamivudine/Efavirenz 300/300/400mg

+) Zidovudine/Lamivudine/Nevirapine 300/150/200mg

- 02 phác đồ bậc 2:

+ Tenofovir/Lamivudine/Lopinavir/ritonavir 300/150/200/50mg

+ Zidovudine/Lamivudine/Lopinavir/ritonavir 300//150/200/50mg

1.2. Thuốc sử dụng

- 01 khoản viên kết hợp 3 thành phần: Tenofovir/Lamivudine/Efavirenz 300/300/400mg (TLE400);

- 02 khoản viên kết hợp 02 thành phần: Zidovudine/Lamivudine 300/150mg và Lopinavir/ritonavir 200/50mg;

- 03 khoản viên rời: Tenofovir 300mg, Lamivudine 150mg và Efavirenz 600mg.

1.3. Tiêu chí nhận thuốc

Người bệnh điều trị thuốc ARV nguồn Quỹ BHYT năm 2021 cần đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Người lớn và trẻ em từ 10 tuổi trở lên đủ tiêu chuẩn sử dụng các thuốc trong danh mục thuốc ARV nguồn BHYT năm 2021;

- Có thẻ bảo hiểm y tế còn giá trị sử dụng và;

- Đang điều trị tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS cung cấp thuốc ARV nguồn BHYT năm 2021.

2. Nguồn Dự án Quỹ Toàn cầu 2021

2.1. Phác đồ và thuốc sử dụng

Là các phác đồ ARV thuộc danh mục các phác đồ thuốc ARV quy định tại Quyết định 5456/QĐ-BYT ngày 20/11/2019 và đang được sử dụng tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS.

2.2. Tiêu chí người bệnh nhận thuốc

- Tại các cơ sở do Quỹ toàn cầu hỗ trợ thuốc ARV theo danh sách tại Phụ lục 2: Bệnh nhân người lớn hoặc trẻ em tại các cơ sở do Dự án Quỹ Toàn cầu hỗ trợ theo danh sách tại Phụ lục 2 (bao gồm cả bệnh nhân trong trại giam là điểm cấp phát thuốc do Quỹ Toàn cầu hỗ trợ).

- Tại các cơ sở không do Quỹ toàn cầu hỗ trợ, bao gồm các cơ sở đang cung cấp thuốc ARV nguồn BHYT: Trẻ dưới 10 tuổi hoặc trẻ từ 10 tuổi trở lên nhưng chưa đủ điều kiện sử dụng thuốc ARV nguồn BHYT.

3. Nguồn ngân sách nhà nước:

3.1. Tiêu chuẩn nhận thuốc ARV nguồn NSNN:

- Người nhiễm HIV và người phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, người nhiễm HIV và người phơi nhiễm với HIV do rủi ro kỹ thuật y tế.

- Phụ nữ mang thai cho chỉ định điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con tại các tỉnh không có Dự án Quỹ toàn cầu hỗ trợ.

- Phạm nhân nhiễm HIV tại các tỉnh không có Dự án Quỹ toàn cầu hỗ trợ.

- Người nhiễm HIV chưa tham gia BHYT.

3.2. Phác đồ thuốc ARV

- Tenofovir/Lamivudine/Efavirenz 300/300/400mg.

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CƠ SỞ DO DỰ ÁN QUỸ TOÀN CẦU HỖ TRỢ

Ban hành kèm theo Công văn số 80 /AIDS-ĐT ngày 19 Tháng 02 năm 2020 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

Tỉnh	Nhà tài trợ	Tên cơ sở
An Giang	QTC	BVĐK Trung tâm An Giang
An Giang	QTC	BV Sản nhi An Giang
An Giang	QTC	BVĐK Khu vực Tân Châu
An Giang	QTC	TTYT H. Tịnh Biên
An Giang	QTC	BVĐK huyện Chợ Mới
An Giang	QTC	TTYT TP Long Xuyên
An Giang	QTC	TTYT H. Châu Phú
An Giang	QTC	TTYT H. Phú Tân
An Giang	QTC	TTYT H. Thoại Sơn
An Giang	QTC	TTYT TP. Châu Đốc
An Giang	QTC	TTYT H. An Phú
Đồng Nai	QTC	CDC
Đồng Nai	QTC	BV nhi
Đồng Nai	QTC	BVĐK tỉnh Đồng Nai
Đồng Nai	QTC	TTYT TP. Biên Hòa
Đồng Nai	QTC	BV Da liễu
Đồng Nai	QTC	TTYT H. Long Thành
Đồng Nai	QTC	TTYT H. Long Khánh
Đồng Nai	QTC	TTYT Xuân Lộc
Đồng Tháp	QTC	BVĐK Sa Đéc
Đồng Tháp	QTC	BVĐK tỉnh Đồng Tháp
Đồng Tháp	QTC	BVĐK KV. Hồng Ngự
Hà Nội	QTC	BV nhi TW
Hà Nội	QTC	TTYT Tây hồ
Hà Nội	QTC	TTYT Ba Đình
Hà Nội	QTC	TTYT Thanh Xuân
Hà Nội	QTC	BVĐK H. Ba Vì
Hải Dương	QTC	BV Bệnh nhiệt đới
Hải Dương	QTC	BVĐK Kinh Môn
Hải Dương	QTC	BVĐK Kim Thành
Hải Dương	QTC	BVĐK TP. Chí Linh
Hải Dương	QTC	BVĐK Cẩm Giàng
Hải Phòng	QTC	BV Trẻ em Hải Phòng
Hải Phòng	QTC	TTYT Q. Lê Chân
Hải Phòng	QTC	TTYT Q. Hồng Bàng
Hải Phòng	QTC	BVĐK Ngô Quyền
Hải Phòng	QTC	TTYT H. An Dương
Kiên Giang	QTC	BVĐK tỉnh
Kiên Giang	QTC	TTYT TP Rạch Giá
Kiên Giang	QTC	TTYT H. Phú Quốc
Kiên Giang	QTC	BVĐK Tân Hiệp
Kiên Giang	QTC	BV Kiên Lương

Tỉnh	Nhà tài trợ	Tên cơ sở
Kiên Giang	QTC	BV TX Hà Tiên
Kiên Giang	QTC	BVĐK Giồng Riềng
Kiên Giang	QTC	BVĐK Gò Quao
Kiên Giang	QTC	BVĐK An Minh
Khánh Hoà	QTC	TTKSBT
Khánh Hoà	QTC	TTYT TP Cam Ranh
Khánh Hoà	QTC	TTYT TX Ninh Hòa
Lai Châu	QTC	TTKSBT
Lai Châu	QTC	TTYT Phong Thổ
Lai Châu	QTC	TTYT Sìn Hồ
Lai Châu	QTC	TTYT Mường Tè
Lai Châu	QTC	TTYT Nậm Nhùn
Lai Châu	QTC	TTYT Tam Đường
Lai Châu	QTC	BVĐK Tân Uyên
Lai Châu	QTC	TTYT Than Uyên
Long An	QTC	BVĐK tỉnh Long An
Long An	QTC	BVĐK KV Hậu Nghĩa
Long An	QTC	TTYT H. Bến Lức
Long An	QTC	BVĐKKV Đồng Tháp Mười
Long An	QTC	TTYT huyện Cần Đước
Ninh Bình	QTC	TTKSBT tỉnh
Ninh Bình	QTC	TTYT TP. Ninh Bình
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Kim Sơn
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Nho Quan
Ninh Bình	QTC	TTYT H. Gia Viễn
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Hoa Lư
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Tam Điệp
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Yên Mô
Ninh Bình	QTC	BVĐK H. Yên Khánh
Nghệ An	QTC	BV TP Vinh
Nghệ An	QTC	BVĐK Hưng Nguyên
Nghệ An	QTC	BVĐK Quế Phong
Nghệ An	QTC	BVĐK Quỳ Châu
Nghệ An	QTC	BVĐK Đô Lương
Phú Thọ	QTC	BVĐK Thanh Sơn
Phú Thọ	QTC	BVĐK TX Phú Thọ
Phú Thọ	QTC	BV tỉnh Phú Thọ
Phú Thọ	QTC	TTKSBT tỉnh
Phú Thọ	QTC	TTYT Tân Sơn
Quảng Ninh	QTC	BVĐK KV Cẩm Phả
Quảng Ninh	QTC	BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí
Quảng Ninh	QTC	TTYT TP. Hạ Long
Quảng Ninh	QTC	TTYT TX. Quảng Yên
Quảng Ninh	QTC	TTYT TX. Đông Triều

Tỉnh	Nhà tài trợ	Tên cơ sở
Sơn La	QTC	BVĐK tỉnh
Sơn La	QTC	BVĐK Mai Sơn
Sơn La	QTC	BVĐK Thảo nguyên Mộc Châu
Sơn La	QTC	BVĐK H. Mộc Châu
Sơn La	QTC	BVĐK Mường La
Sơn La	QTC	BVĐK Thuận Châu
Sơn La	QTC	BVĐK Phù Yên
Sơn La	QTC	BVĐK Sông Mã
Sơn La	QTC	BVĐK Bắc Yên
Sơn La	QTC	BVĐK Sốp Cộp
Sơn La	QTC	BVĐK Quỳnh Nhai
Sơn La	QTC	BVĐK Yên Châu
Tây Ninh	QTC	BVĐK tỉnh
Tây Ninh	QTC	TTYT Hoà Thành
Tây Ninh	QTC	TTYT Trảng Bàng
Tây Ninh	QTC	TTYT Gò Dầu
Tây Ninh	QTC	TTYT Bến Cầu
TP. Hồ Chí Minh	QTC	BV nhi đồng 1
TP. Hồ Chí Minh	QTC	BV nhi đồng 2
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT Bình Tân
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT Phú Nhuận
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT quận 5
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT quận 6
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT quận 7
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT quận 12
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT H Cần giờ
TP. Hồ Chí Minh	QTC	TTYT quận Tân Phú
Thái Nguyên	QTC	BV A
Thái Nguyên	QTC	TTYT TP Thái Nguyên
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Đồng Hỷ
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Phổ Yên
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Đại Từ
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Phú Lương
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Phú Bình
Thái Nguyên	QTC	TTYT Võ Nhai
Thái Nguyên	QTC	BVĐK Định Hóa
Thái Nguyên	QTC	TTYT TX Sông Công
Thanh Hóa	QTC	BVĐK tỉnh
Thanh Hóa	QTC	TTKSBT
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Bá Thước
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Lang Chánh
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Đông Sơn
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Hà Trung
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Hậu Lộc

Tỉnh	Nhà tài trợ	Tên cơ sở
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Hoằng Hóa
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Nông Cống
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Quảng Xương
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Thường Xuân
Thanh Hóa	QTC	BVĐK KV. Tĩnh Gia
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Triệu Sơn
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Như Xuân
Thanh Hóa	QTC	BVĐK TP Thanh.Hóa
Thanh Hóa	QTC	BVĐK Thọ Xuân
Thanh Hóa	QTC	BVĐK TX. Bỉm Sơn
Thanh Hóa	QTC	BVĐK KV. Ngọc Lặc
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Quan Hóa
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Mường Lát
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Quan Sơn
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Cẩm Thủy
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Yên Định
Thanh Hóa	QTC	BVĐK TP. Sầm Sơn
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Thạch Thành
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Như Thanh
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Triệu Hóa
Thanh Hóa	QTC	BVĐK H. Nga Sơn
Vĩnh Phúc	QTC	TTKSBT tỉnh
Vĩnh Phúc	QTC	TTYT Sông Lô
Vĩnh Phúc	QTC	TTYT huyện Vĩnh Tường
Vĩnh Phúc	QTC	TTYT huyện Vĩnh Yên
Yên Bái	QTC	BVĐK tỉnh Yên Bái
Yên Bái	QTC	BVĐK KV Nghĩa Lộ
Yên Bái	QTC	TTYT Văn Yên
Yên Bái	QTC	TTYT Lục Yên
Yên Bái	QTC	TTYT Trấn Yên
Yên Bái	QTC	TTYT Yên Bình
Yên Bái	QTC	TTYT Trạm Tấu
Yên Bái	QTC	TTYT Mù Cang Chải
Yên Bái	QTC	TTYT TP Yên Bái
Yên Bái	QTC	TTYT H. Văn Chấn
Yên Bái	QTC	BVĐK KV Hưng Khánh

PHỤ LỤC 3.1

BIỂU MẪU KẾ HOẠCH CUNG ỨNG THUỐC ARV CỦA TỈNH/THÀNH PHỐ

Ban hành kèm theo Công văn số 10. /AIDS-ĐT ngày 19. Tháng 02 năm 2020 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

Tỉnh/thành phố:
Cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CUNG ỨNG THUỐC ARV CỦA TỈNH/THÀNH PHỐ
NĂM ..... (1/1 - 31/12/...)

I. Chỉ tiêu số người bệnh/khách hàng điều trị ARV tính đến cuối năm lập kế hoạch

STT	Phác đồ Điều trị	Số người bệnh đang điều trị ARV tại cuối năm của thời điểm lập kế hoạch (31 tháng 12 năm ...)				Chỉ tiêu số người bệnh điều trị ARV tính đến cuối năm lập kế hoạch (31 tháng 12 năm...)			
		Tổng	BHYT	NSNN	Viện trợ	Tổng	BHYT	NSNN	Viện trợ
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)
I	Người lớn								
...									
II	Trẻ em								
...									
III	Dự phòng sau phơi nhiễm								
...									
IV	Dự phòng trước phơi nhiễm								
...									

II. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn BHYT từ 01/01/..... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn BHYT cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
1				*Biệt dược gốc*								
				Nhóm 1								
				Nhóm 2								
				Nhóm 3								
				Nhóm 4								
				Nhóm 5								
				Tổng số								
2												

III. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn NSNN từ 01/01/.... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn NSNN cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
1				*Biệt dược gốc*								
				Nhóm 1								
				Nhóm 2								
				Nhóm 3								
				Nhóm 4								
				Nhóm 5								
				Tổng số								
2												

IV. Ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn viện trợ từ 01/01/.... đến 31/12/.... (đvt: viên)

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn viện trợ cho số người bệnh/khách hàng tương ứng tại Bảng I)

STT	Tên thuốc, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Ước tính tồn kho đầu năm	Ước tính sử dụng trong năm	Ước tính tồn kho cuối năm	Tổng nhu cầu	Nhu cầu phân bổ			
									Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)=(h)+(g)-(f)	(i1)	(i2)	(i3)	(i4)
				Tổng số								
2												

Ngày.... tháng.... năm 20...

Cán bộ chịu trách nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký , đóng dấu)

Lưu ý:

1. Bảng I: Nhập số người bệnh/khách hàng tại thời điểm chốt số liệu và ước tính bệnh nhân thời điểm cuối năm lập kế hoạch theo phác đồ và theo từng nguồn.

2. Thời điểm chốt số liệu người bệnh: ngày 31 tháng 12 của 2 năm trước năm lập kế hoạch

3. Bảng II, III, IV: cột (f): ước tính tồn kho tại thời điểm 01/01 của năm lập kế hoạch; cột (g): ước tính tồn kho cuối năm: tương đương tồn kho an toàn mong muốn tại thời điểm 31/12 của năm lập kế hoạch

4. Nguồn viện trợ không yêu cầu nhóm. Điền số liệu vào dòng tổng số

PHỤ LỤC 3.2

BIỂU MẪU DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ THAM GIA LẬP KẾ HOẠCH NHU CẦU THUỐC

Ban hành kèm theo Công văn số .80. /AIDS-ĐT ngày 19 Tháng 02 năm 2020 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS

Tỉnh/thành phố:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ THAM GIA LẬP KẾ HOẠCH NHU CẦU THUỐC

NĂM ..... (1/1 - 31/12/...)

Tỉnh/Thành phố:

I. Danh sách các cơ sở tham gia lập kế hoạch nhu cầu thuốc trong tỉnh

STT	Tên cơ sở	Mã KCB	Địa chỉ CSĐT	Số điện thoại cơ sở	Địa chỉ nhận thuốc	Tên cán bộ liên hệ, số điện thoại, email
1						
2						

Ngày.... tháng.... năm 20...